

Bản án số: **96/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 09/8/2022

Về việc: *Ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT, TỈNH KH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đàm Thị Bích Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Mai Văn Thuận**

Ông **Nguyễn Văn Xuân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh KH.

- ĐDện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT tham gia phiên tòa: Bà **Phan Ngọc Chiêu Quyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh KH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 278/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/3/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Trần Ngọc Đ** – sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 11 phường A, quận S, thành phố Đ.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Hồng Mộng D** – sinh năm 1993

Địa chỉ: A14 Khu tập thể B, phường P, thành phố NT, tỉnh KH. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông **Trần Ngọc Đ** trình bày: Ông và bà **Nguyễn Hồng Mộng D** tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng vào năm 2017. Trong quá trình chung sống, **thời gian đầu hôn nhân, ông và bà D chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau đó, ông và bà D** xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung làm cho không khí gia đình trở nên ngột ngạt, mệt mỏi, không hạnh phúc. Ông bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn gia đình nhưng không được. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông không còn tình cảm với bà D nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà D.

Về con chung, ông và bà D có 01 (một) con chung là **Trần Khả D** – sinh ngày 22/01/2017. Sau khi ly hôn, ông có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Theo bản tự khai, bị đơn bà Nguyễn Hồng Mộng D trình bày:* Bà và ông Trần Ngọc Đ tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đ vào năm 2017. Cuộc sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bà không còn tình cảm với ông Đ nữa nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Đ.

Về con chung, bà và ông Đ có 01 (một) con chung là Trần Khả D – sinh ngày 22/01/2017. Bà đồng ý giao con chung cho ông Đ nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Kiểm sát viên phát biểu:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

Ông Trần Ngọc Đ có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc ly hôn đối với bà Nguyễn Hồng Mộng D. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố NT theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Đ và bà D đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy đăng ký kết hôn số 190 ngày 11/11/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Ông Đ yêu cầu ly hôn với bà D vì cuộc sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nguyên nhân là do ông Đ và bà D không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống trong đời sống vợ chồng.

Bà D đồng ý với trình bày của ông Đ và chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình chung sống của ông Đ và bà D vì không tìm được tiếng nói chung nên dẫn đến mâu thuẫn và hiện ông bà không hòa giải được với nhau, tình cảm của ông bà không còn nữa nên làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, ông Đ và bà D đều thống nhất ly hôn nên yêu cầu ly hôn của ông Đ với bà D là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều

56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2]. Về con chung: Ông Đ và bà D có 01 (một) con chung là Trần Khả D – sinh ngày 22/01/2017. Ông Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung. Bà D đồng ý giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Đ và bà D đều thống nhất thỏa thuận là giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Đ không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc Đ về việc “Ly hôn” với bị đơn bà Nguyễn Hồng Mộng D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc Đ được ly hôn với bà Nguyễn Hồng Mộng D.

2. Về con chung: Giao 01 (một) con chung là cháu Trần Khả D – sinh ngày 22/01/2017 cho ông Trần Ngọc Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bà Nguyễn Hồng Mộng D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở và được tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông Trần Ngọc Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **AA/2021/0001284 ngày 11/3/2022 của** Chi cục Thi hành án dân sự

thành phố NT. Ông Trần Ngọc Đ đã nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh KH;
- VKS TP. NT (2 bản);
- Chi cục THA dân sự Tp. NT;
- UBND phường A, quận S, thành phố Đ
(Số 190 ngày 11/11/2017);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Thị Bích Ngọc